

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2020

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hà Thị Thủy.

- Ông Nguyễn Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thúy N, sinh năm 1990 – (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1982 – (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thúy N trình bày:* Tôi với Anh Trần Văn H quen biết và yêu nhau, sau đó chuyển về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 tại Thôn B, xã B, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk nhưng đến ngày 03 tháng 11 năm 2008 chúng tôi mới ra Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lắc đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được Khoảng 5 năm thì anh H bắt đầu thay

đổi tính nết, thường xuyên theo bạn bè ăn nhậu không lo làm ăn, mỗi lần uống rượu về say xỉn, anh H chửi bới, đánh đập vợ con. Mọi việc trong nhà anh H không quan tâm, không chia sẻ với tôi, một mình tôi gánh vác việc làm ăn, trả nợ. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng Anh Trần Văn H vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng không thể giải quyết. Từ tháng 5 năm 2020 sau khi nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án, tôi đi làm thuê cho đến nay, từ đó vợ chồng cũng ít liên lạc. Hiện nay, tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Anh Trần Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là cháu Trần Đỗ Duy L, sinh ngày 22/5/2007, cháu Trần Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 14/9/2009 và cháu Trần Đỗ Thiên H, sinh ngày 06/2/2019. Trong đơn khởi kiện, nguyện vọng của tôi là được nuôi cả ba cháu nhưng tại phiên hòa giải cháu L và cháu Y có nguyện vọng được ở với bố nên tôi đồng ý để hai cháu ở với bố sau khi ly hôn, còn tôi sẽ nuôi cháu Trần Đỗ Thiên H. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tôi sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 03/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn Anh Trần Văn H trình bày:* Tôi thừa nhận về quan hệ hôn nhân đúng như chị N trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thì do vào tháng 10 năm 2019 vợ chồng đầu tư trồng khoai lang Nhật nhưng do hạn hán nên thua lỗ dẫn đến Khoản nợ gần 300 triệu đồng, từ đó các chủ nợ đến nhà đòi nợ nhiều, vợ chồng làm ăn không đủ để trả nợ nên tôi chán nản không muốn làm ăn và thỉnh thoảng có theo bạn bè ăn nhậu, khi say về tôi hay trách móc vợ trong việc trả nợ cho các chủ nợ.

Đến tháng 4 năm 2020 vợ chồng tôi trồng lúa dư được ít tiền, vợ tôi cầm tiền chia đều đi trả cho các chủ nợ, còn tôi muốn cho ai thì trả cho dứt điểm nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng nợ nần nhiều, không có tiền trả nợ, các chủ nợ đến nhà đòi nợ nhiều lần dẫn đến vợ chồng căng thẳng chỉ trích nhau, đổ lỗi cho nhau. Từ ngày 28/4/2020 âm lịch vợ chồng cãi nhau, vợ tôi đã bỏ về nhà ngoại sinh sống từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhưng không thể hàn gắn. Nay chị Đỗ Thúy N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý, vì tôi muốn vợ tôi cho tôi cơ hội được sửa đổi, tôi muốn vợ chồng sum họp để nuôi dạy các con.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 03 cháu tên là Trần Đỗ Duy L, sinh ngày 22/5/2007, cháu Trần Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 14/9/2009 và cháu Trần Đỗ Thiên H, sinh ngày 06/2/2019. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết buộc tôi phải ly hôn với vợ thì tôi muốn được nuôi cháu Trần Đỗ Duy L, sinh ngày 22/5/2007, cháu Trần Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 14/9/2009 cho đến khi các cháu trưởng thành, còn cháu Trần Đỗ Thiên H, sinh ngày 06/2/2019 thì tôi đồng ý để N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Còn về cấp dưỡng nuôi con thì tôi không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chúng tôi tự thỏa thuận nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu ý kiến:* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thúy N. Chị Đỗ Thúy N được ly hôn với Anh Trần Văn H.

- *Về con chung:* Giao 02 cháu Trần Đỗ Duy L, sinh ngày 22/5/2007, cháu Trần Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 14/9/2009 cho anh Trần Văn H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Đỗ Thiên H, sinh ngày 06/2/2019 cho chị Đỗ Thúy N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Các bên không phải đóng góp phí tổn để nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Đỗ Thúy N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Đỗ Thúy N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với Anh Trần Văn H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn B, xã B, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lắc căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

Xét thấy bị đơn Anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thúy N và Anh Trần Văn H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Buôn Triết, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03 tháng 11 năm 2008 nên quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị N và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chịu làm ăn mà hay rượu chè, về nhà quậy phá, đánh đập chị N. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Theo kết quả xác minh tại ban tự quản thôn BT, xã B, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: *“Khoảng giữa năm 2019, vợ chồng anh H, chị N vay tiền của người dân để đầu tư trồng khoai lang nhưng thất bại, dẫn đến nợ nần không có tiền trả nợ. Anh H từ đó chán nản, không lo tu chí làm ăn suốt ngày uống rượu về nhà vợ chồng hay cãi nhau. Tháng 4/2020, chị N bỏ về nhà bố mẹ để từ đó cho đến nay.”*

Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh H đã có nhiều mâu thuẫn, vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận cho chị Đỗ Thúy N được ly hôn với Anh Trần Văn H.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh H có 03 con chung tên là Trần Đỗ Duy L, sinh ngày 22/5/2007, cháu Trần Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 14/9/2009 và cháu Trần Đỗ Thiên H, sinh ngày 06/2/2019.

Trong đơn khởi kiện, nguyện vọng của chị Nga là được nuôi cả ba con chung. Nhưng tại phiên hòa giải cháu L và cháu Yến có nguyện vọng được ở với bố nên chị N đồng ý để hai cháu ở với bố sau khi ly hôn, còn chị N sẽ nuôi cháu Trần Đỗ Thiên H. Về cấp dưỡng nuôi con chị N và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét.

Xét điều kiện của anh H, chị N trên cơ sở cân nhắc về khả năng nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhằm tạo điều kiện cho con chung có điều kiện được trông nom, chăm sóc và giáo dục tốt nhất sau khi anh chị ly hôn. Hiện tại anh H, chị N đều là nông dân lao động, có nơi ăn ở và mức thu nhập ổn định, ai cũng có khả năng nuôi dưỡng và chăm sóc con được tốt, xét theo nguyện vọng của 02 cháu Trần Đỗ Duy L, Trần Đỗ Thị Hải Y và sự thỏa thuận của anh H, chị N. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 giao 02 cháu L và Yến cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Đỗ Thiên H cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hai anh chị không yêu cầu phải cấp dưỡng để nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do các bên không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là

phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thúy N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thúy N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thúy N được ly hôn với Anh Trần Văn H.

2. *Về con chung:* Giao 2 con chung tên là Trần Đỗ Duy L, sinh ngày 22/5/2007 và Trần Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 14/9/2009 cho Anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Đỗ Thiên H, sinh ngày 06/2/2019 cho chị Đỗ Thúy N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh H, chị N không yêu cầu phải cấp dưỡng để nuôi con chung.

Không ai được cản trở việc thăm nom con chung sau khi ly hôn. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Đỗ Thúy N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010369 ngày 18/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắc;
- Chi Cục THADS huyện Lắc;
- UBND xã Buôn Triết;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thành

